

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN B
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Bản án số: 22/2021/HSST

Ngày: 27/4/2021

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B – TP CẦN THƠ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đặng Thị Huệ**.
- Các Hội thẩm nhân dân:
 1. Ông Hoàng Văn Tý
 2. Ông Phạm Ngọc Hà
- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hồng Châu** – Thư ký Tòa án nhân dân quận B
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B tham gia phiên tòa: Ông **Tạ Bá Nhịn**
- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận B tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 19/2021/TLST-HS ngày 19 tháng 3 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 211/2021/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 4 năm 2021 đối với bị cáo:

ĐỖ QUỐC V, sinh năm 1976 tại: Hậu Giang. Giới tính: nam

HKTT: 90/8 khu vực 6, phường T, quận B, thành phố Cần Thơ.

Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông: Đỗ Bá Ng (sn 1950) và bà Lê Thị E (sn 1952).

Tiền sự, tiền án: Không.

Bị bắt ngày 11/12/2020 trong một vụ án khác, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa

Người bị hại:

1. Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1970

Địa chỉ: 421/19 khu vực Y, phường L, quận C, thành phố Cần Thơ.

2. Ông **Nguyễn Hữu T**, sinh năm 1977

Địa chỉ: 467 khu vực T, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ.

3. Ông **Nguyễn Hoàng D**, sinh năm 1975

Địa chỉ: 41C/4 tổ 3, khu vực 2, phường T, quận B, thành phố Cần Thơ.

4. Ông **Huỳnh Nhựt H1**, sinh năm 1992

Địa chỉ: 30/27 C, phường B, quận B, thành phố Cần Thơ.

5. Bà **Từ Thị Thùy L**, sinh năm 1976.

Địa chỉ: 54D/4 khu vực 2, phường T, quận B, thành phố Cần Thơ.

6. Ông **Nguyễn Minh T1**, sinh năm 1987

Địa chỉ: Nhà trọ đường Đ, phường A, quận B, thành phố Cần Thơ

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Lê Thị E**, sinh năm 1952

Địa chỉ: 90/8 khu vực 6, phường T, quận B, thành phố Cần Thơ. (có mặt)

(Những người bị hại vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đỗ Quốc V không có nghề nghiệp ổn định, nên nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của người khác. V tìm những số điện thoại ghi trên bảng hiệu của các cửa hàng bán hàng hóa hoặc các xe ô tô tải chở thuê, hoặc giả vờ xin được việc làm cho người có nhu cầu, Sau đó, dùng số điện thoại của V là 0962.095.494 gọi đến những số điện thoại này giả vờ có hàng hóa cần vận chuyển, khi bên kia đồng ý, V sẽ hỏi mượn trước một số tiền rồi hẹn địa điểm để giao hàng, nhận tiền hoặc nói là đã xin được việc làm nên yêu cầu người muốn xin việc phải đưa tiền để mua quà biếu. Sau khi lấy được tiền, V tắt điện thoại rồi bỏ trốn. Từ cuối tháng 7/2020 đến ngày 08/9/2020 V đã thực hiện các vụ như sau:

Khoảng 07 giờ ngày 08/9/2020, Đỗ Quốc V sử dụng số điện thoại 0962.095.494 gọi vào số điện thoại 0944445545 của anh Nguyễn Văn H, nói rằng V cần thuê xe ô tô tải chở sắt từ khu công nghiệp Trà Nóc (gọi tắt là khu công nghiệp) đến Cái Dầu, An Giang, chi phí vận chuyển là 2.000.000 đồng. Một lát sau, V gọi lại đề nghị anh H cho mượn 2.000.000 đồng để đổ dầu cho xe cẩu sắt, đồng thời V thuê thêm 1 người khuân vác, V sẽ trả người này 500.000 đồng, khi đến Cái Dầu, An Giang thì V sẽ thanh toán tiền mượn, tiền vận chuyển cho người khuân vác tổng cộng là 4.500.000 đồng, anh H đồng ý. Sau đó anh H điều động anh Nguyễn Văn R (Tài xế) và anh

Nguyễn Văn T (phụ xe) điều khiển xe ô tô tải đến khu công nghiệp. Khi đến nơi, T xuống xe, điện thoại và gặp V tại cổng khu công nghiệp. V điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 65D- 02.184 đến đón và chở anh T đến trước cổng công ty sữa Vinamilk. Tại đây, T đưa cho V 2.000.000 đồng, V kêu T đứng chờ để V đi trả tiền dầu rồi quay lại đón nhưng V không quay lại. Đến khoảng 19 giờ 15 phút cùng ngày V bị anh H cùng một số người khác bắt giữ giao cho công an phường Trà Nóc.

Ngoài ra, quá trình điều tra còn xác định được V đã thực hiện nhiều vụ lừa đảo khác, cụ thể:

Vụ 1: Khoảng 06 giờ ngày 08/9/2020 V đi ngang qua cửa hàng thu mua phế liệu (không nhớ rõ tên cửa hàng) V ghi nhớ số điện thoại ghi trên bảng hiệu. Sau đó dùng số điện thoại của mình là 0962095494 gọi vào số điện thoại 0783826065 gặp chị Từ Thị Thùy L là chủ cửa hàng, V nói có khoảng 18 tấn sắt muốn bán và yêu cầu chị L cho xe tải đến Khu công nghiệp để chở. V yêu cầu chị L cho mượn 2.000.000 đồng để đổ dầu cho xe cầu sắt, chị L đồng ý. Sau đó chị L đưa cho anh Phạm Hồng Th 2.000.000 đồng đi đến khu công nghiệp để xem sắt và đưa tiền cho V. Đến khoảng 08 giờ cùng ngày thì anh Th gặp V, V nói sẽ chở anh Th đi trả tiền dầu. V điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 65D1-02.184 chở anh Th đến cầu Sang Trắng trong khu công nghiệp thì dừng xe yêu cầu anh Th đưa 2.000.000 đồng và đứng đợi V, lấy tiền xong V bỏ trốn.

Vụ 2: Khoảng cuối tháng 7/2020 V uống cà phê ở gần cổng khu công nghiệp, tình cờ nghe được anh Nguyễn Hữu T có nhu cầu xin việc, qua trao đổi V biết anh T là tài xế nên tự giới thiệu là quản lý nhân sự của công ty sữa Vinamilk và hứa sẽ xin cho anh T làm tài xế cho công ty. Sau đó, khoảng một đến hai ngày, V dùng số điện thoại 0962.095.494 gọi vào số 0907.371.138 của anh T, nói đã xin được việc làm và hẹn gặp anh T tại quán cà phê hôm trước. Tại đây V yêu cầu anh T đưa 1.500.000 đồng để mua quà biếu, lấy được tiền V kêu anh T ngồi đợi V đi mua đồ nhưng V không quay lại.

Vụ 3: Khoảng cuối tháng 8/2020 V sử dụng số điện thoại 0962.095.494 gọi vào số 0939.181.532 của anh Nguyễn Hoàng D để thuê xe ô tô tải chở sắt từ khu công nghiệp đến Cái Dầu, An Giang, chi phí vận chuyển là 1.800.000 đồng và bồi dưỡng cho tài xế 200.000 đồng, tổng cộng 2.000.000 đồng. Đồng thời V yêu cầu anh D cho mượn 1.500.000 đồng để đổ dầu cho xe cầu sắt, anh D đồng ý. Sau đó, anh D đưa cho anh Nguyễn Minh T1 số tiền trên, anh T1 điều khiển xe tải đến khu công nghiệp gặp V. Khi gặp anh T1, V yêu cầu anh T1 đưa 1.500.000 đồng đã thỏa thuận trước đó và đưa thêm 300.000 đồng (tiền của anh T1), anh T1 đồng ý. Nhận được tiền, V kêu anh T1 đứng đợi nhưng V không quay lại.

Vụ 4: Khoảng cuối tháng 8/2020, V sử dụng số điện thoại 0962.095.494 gọi vào số 0939.119.018 của anh Huỳnh Nhật H1 để thuê xe ô tô chở sắt từ khu công nghiệp đến Cái Dầu, An Giang, đồng thời V yêu cầu anh H1 cho mượn 2.000.000 đồng để đổ dầu cho xe cẩu sắt, anh H1 đồng ý. Sau đó, anh H1 đưa cho anh Nguyễn Đức H2 1.000.000 đồng, anh H2 điều xe tải đến gặp V. Tại đây, anh Hưng đưa cho V 1.000.000 đồng, nhận được tiền, V kêu anh Hưng đứng đợi nhưng V không quay lại.

Tổng số tiền V đã chiếm đoạt được trong các vụ trên là 8.300.000 đồng, số tiền này V tiêu xài cá nhân, riêng số tiền chiếm đoạt được vào ngày 08/9/2020 V có đưa cho bà Lê Thị E (mẹ của V) 1.500.000 đồng để mua đồ ăn và đồ dùng trong gia đình. Còn 500.000 đồng V cất giữ.

Bà E không biết số tiền mà V đưa là do V phạm tội mà có, nên Cơ quan cảnh sát điều tra, công an quận B không khởi tố.

Ngoài thực hiện các vụ trên địa bàn quận B, V còn thực hiện nhiều vụ khác với thủ đoạn như trên ở địa bàn tỉnh Hậu Giang và bị bắt quả tang. Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an thành phố Ngã Bảy tỉnh Hậu Giang đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can và đang điều tra làm rõ.

Đối với xe mô tô biển kiểm soát 65D1 – 02.184 là của anh Đỗ Quốc N, anh N không biết V sử dụng xe này vào mục đích phạm tội. Hiện tại, xe này đang bị Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang tạm giữ.

Vật chứng thu giữ:

500.000 đồng tiền Việt Nam

01 điện thoại di động hiệu Samsung số Imei 359/831/06/785694/3 có gắn sim số 0962.095.494

Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại yêu cầu V trả lại số tiền đã chiếm đoạt, nhưng V chưa khắc phục.

Tại bản cáo trạng số 23/CT - VKSBT ngày 16 tháng 3 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân quận B đã truy tố Đỗ Quốc V về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo như Cáo trạng đã nêu. Sau khi phân tích về mục đích, động cơ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ hình phạt của bị cáo như: thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã tác động gia đình khắc phục toàn bộ hậu quả cho người bị hại. Tuy nhiên, dù số tiền mà bị cáo chiếm đoạt của các bị hại là

ít, nhưng đã thực hiện nhiều lần, chứng tỏ bị cáo chưa có sự ăn năn hối cải về hành vi của mình...đại diện Viện kiểm sát đề nghị như sau:

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 174, điểm b, điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, tuyên phạt bị cáo mức án tù 09 đến 12 tháng tù.

Về xử lý vật chứng đề nghị: tuyên tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 500.000 đồng; điện thoại di động Samsung đã thu giữ của bị cáo. Đối với sim số 0962.095.494 đề nghị tịch thu tiêu hủy.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình giải quyết vụ án, gia đình bị cáo đã nộp khắc phục toàn bộ số tiền 8.300.000 đồng mà bị cáo chiếm đoạt của những người bị hại, do vậy đề nghị cho những người bị hại được nhận lại số tiền bị chiếm đoạt.

Phía bị cáo: Không có tranh luận gì với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát, tại lời nói sau cùng, bị cáo xin được xem xét mức án nhẹ để sớm được trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và các đương sự khác không có ý kiến hoặc kH nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2]Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với kết luận điều tra vụ án và biên bản trình báo sự việc của người bị hại, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, đã chứng minh được Đỗ Quốc V đã nhiều lần có hành vi gian dối bằng cách dùng số điện thoại của mình là 0962.095.494 gọi vào số điện thoại của các cửa hàng cho thuê xe, cửa hàng thu mua phế liệu, tìm những người có nhu cầu xin việc làm rồi nói dối là người có nhu cầu vận chuyển hàng hóa, người có chức danh trong công ty (có thể xin được việc làm cho người có nhu cầu)... để từ đó các bị hại tin tưởng và giao tài sản cho V. Bằng hành vi gian dối trên, V đã chiếm đoạt được của anh Nguyễn Văn H là 2.000.000 đồng, của chị Từ Thị Thùy L là 2.000.000 đồng, của anh Nguyễn Hữu T là 1.500.000 đồng, của anh Nguyễn Hoàng D là 1.500.000 đồng, anh Nguyễn Minh T1 là 300.000 đồng, anh Huỳnh Nhựt H1 là 1.000.000 đồng. Tổng cộng tài sản V chiếm đoạt được là

8.300.000 đồng, do vậy, hành vi này đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự. Điều này cho thấy Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân quận B truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Gây mất an ninh trật tự ở địa phương và hoang mang trong quần chúng nhân dân. Bị cáo là người trưởng thành, nhận thức được việc dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện nhiều lần. Do vậy, cần có mức án tương xứng với hành vi mà bị cáo đã thực hiện, để bị cáo biết tu sửa bản thân, biết sống đặt mình trong khuôn khổ pháp luật.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt tù đối với bị cáo như đại diện Viện kiểm sát đã phân tích và đề nghị là phù hợp, Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Ghi nhận việc bị cáo đồng ý bồi thường, trả lại tài sản chiếm đoạt cho anh Nguyễn Văn H là 2.000.000 đồng, chị Từ Thị Thùy L là 2.000.000 đồng, anh Nguyễn Hữu T là 1.500.000 đồng, của anh Nguyễn Hoàng D là 1.500.000 đồng, anh Nguyễn Minh T1 là 300.000 đồng và anh Huỳnh Nhựt H1 là 1.000.000 đồng

[6] Về xử lý vật chứng:

- Tiền Việt Nam: 500.000 đồng là tiền do phạm tội mà có, nhưng bị cáo đã tác động gia đình khắc phục toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt để trả cho các bị hại, nên bị cáo được nhận lại số tiền này. Tuy nhiên, tại phiên tòa, bị cáo không có yêu cầu được nhận lại, do vậy số tiền này cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước là phù hợp.

- Điện thoại di động Samsung là phương tiện dùng vào việc phạm tội nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Sim số 0962.095.494, cần tịch thu tiêu hủy

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

* Tuyên bố: Đỗ Quốc V phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Áp dụng: khoản 1 Điều 174, điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: **Đỗ Quốc V: 09 tháng tù.**

- Thời hạn phạt tù tính từ ngày 11/12/2020

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47, 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- **Tịch thu sung công quỹ Nhà nước**: 01 điện thoại di động hiệu Samsung số Imei 359/831/06/785694/3.

- **Tịch thu tiêu hủy**: Sim số 0962095494

- **Tịch thu sung ngân sách Nhà nước**: 500.000 đồng tiền Việt Nam.

* Về trách nhiệm dân sự:

- Căn cứ vào số tiền bị cáo đã nộp khắc phục hậu quả, những người bị hại có tên dưới đây được quyền đến Chi cục thi hành án quận B nhận lại nhận lại số tiền đã bị chiếm đoạt như sau:

+ Ông Nguyễn Văn H được nhận: 2.000.000 đồng (hai triệu đồng)

+ Bà Từ Thị Thùy L được nhận: 2.000.000 đồng (hai triệu đồng)

+ Ông Nguyễn Hữu T được nhận: 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm ngàn đồng)

+ Ông Nguyễn Hoàng D được nhận 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm ngàn đồng)

+ Ông Nguyễn Minh T1 được nhận 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng)

+ Ông Huỳnh Nhật H1 được nhận: 1.000.000 đồng (một triệu đồng)

Án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí Tòa án.

- Bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng).

Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người tgg;
- Sở tư pháp Tp. Cần Thơ;
- TAND. Tp Cần Thơ;
- Chi cục THADS Q. B;
- VKSND Tp. Cần Thơ;
- VKSND Q. B;
- Cq CSĐT Công an Q. B;
- Cq THAHS Công an Q. B;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Thị Huệ

--	--